

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-PT

Ngày: 14-3-2023

V/v “Tranh chấp đòi tài sản là quyền
sử dụng đất; bồi thường thiệt hại về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Thanh

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Đ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 543/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất; bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 556/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1940;

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, ông Đ: Ông Võ Đ T1, sinh năm 1977; (Giấy ủy quyền ngày 28-3-2022)

Địa chỉ: cư xá T, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đào Văn L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn Việt T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ - Bị đơn.*

(Bà S, ông T1 và ông T có mặt; bà Th và ông L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16-7-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25-12-2020, ngày 07-3-2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:

Thửa đất số 30, 833, tờ bản đồ số 4, có tổng diện tích 37.490m² do bà nhận chuyển nhượng từ ông Đào Văn L. Vào ngày 20-3-2020, bà có lên sản xuất phần đất trên thì phát hiện đã bị bà Nguyễn Thị P (là vợ trước đây của ông Đào Văn L), ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th chiếm sử dụng thửa đất số 30 và một phần thửa đất số 833. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả lại quyền sử dụng đất diện tích theo Mảnh trích đo địa chính số 18-2022 là 11.319m², thuộc một phần thửa 833 và 256m², thuộc một phần thửa 30, tờ bản đồ số 4, địa chỉ đất tại xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th liên đới trả lại quyền sử dụng đất diện tích theo Mảnh trích đo địa chính số 18-2022 là thửa 30, diện tích 7.265m², các diện tích 2.062m², diện tích 164m², thuộc một phần thửa 833, tờ bản đồ số 4, địa chỉ đất tại xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An và yêu cầu bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th bồi thường thiệt hại do không được canh tác phần đất trên từ ngày 20-3-2020 đến nay. Bà Phạm Thị S xác định yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản tính đến ngày mở phiên tòa, yêu cầu bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th bồi thường giá trị tương ứng với diện tích đất chiếm giữ trái phép của bà S (14.000.000 đồng/ha).

Bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ do ông Võ Đ T1 đại diện trình bày:

Bà P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà S. Hiện nay, bà P đang quản lý, sử dụng diện tích theo Mảnh trích đo địa chính số 18-2022 là 11.319m², thuộc một phần thửa 833, và 256m², thuộc một phần thửa 30, tờ bản đồ số 4, địa

chỉ đất tại xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Bà P xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà đã được Tòa án xác định nên bà quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà S. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th đang quản lý, sử dụng đất thửa 30, diện tích 7.521m², và các diện tích 2.062m², diện tích 164m², thuộc một phần thửa 833, tờ bản đồ số 4, địa chỉ đất tại xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Lý do là ông L và bà P nhận phần đất của bà Trần Thị N thửa 833, có diện tích 29.969m², không có thửa 30. Vào ngày 29-9-2011 bà Th tặng cho ông Nguyễn Thành Th1 thửa 832, diện tích 30.148m², do làm giấy nhầm nên Nguyễn Thành Th1 đứng tên thửa 833, sau điều chỉnh của UBND huyện Mộc Hóa ngày 03-01-2015 thành thửa 832, chỉ còn diện tích 25.559m², sót lại thửa 30. Đất này là của ông Đ bà Th nên ông Đ bà Th yêu cầu bà S giao trả lại cho ông Đ và bà Th, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà S đối với thửa 30, diện tích 7.521m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Việt T và ông Đào Văn L trình bày: Các ông thống nhất yêu cầu của bà S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, 6, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1, Điều 39, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 259 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 166, 170, 584, 589 của Bộ luật Dân sự; các điều 166, 167 170 của Luật Đất đai.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi tài sản là quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản của bà Phạm Thị S đối với bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả lại cho bà Phạm Thị S diện tích 11.319m² thuộc một phần thửa 833, và diện tích 256m² thuộc một phần thửa 30.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th phải trả lại cho bà Phạm Thị S diện tích 2.062m² và diện tích 164m² thuộc một phần thửa 833; diện tích 7.265m² thuộc một phần thửa 30.

Tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, do bà Phạm Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Mạnh trích đo số 18/2022 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Hóa duyệt ngày 17-3-2022.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị S số tiền là 40.512.500 (bốn mươi triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm) đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị S số tiền là 33.218.500 (ba mươi ba triệu hai trăm mười tám ngàn năm trăm) đồng.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 138 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy bỏ quyết định số 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 28-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa.

Căn cứ khoản 2 Điều 138 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hoàn trả lại cho bà Phạm Thị S số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tại tài khoản phong tỏa số 6620601018467, mã khách hàng 6620338464318 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – chi nhánh huyện Mộc Hóa.

Căn cứ Điều 186, điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu bà Phạm Thị S phải trả lại thửa đất số 30, diện tích 7.521m², thuộc tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, Long An cho ông Đ, bà Th và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Phạm Thị S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà P và ông Đ do ông Võ Đ T1 đại diện trình bày:

Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng với các căn cứ sau: phiên tòa sơ thẩm ngày 14-9-2022, ông có yêu cầu triệu tập ông L và người thuê đất ông Chinh nhưng không triệu tập; ngày 21-9- 2022 xét xử vắng mặt ông; bà S cho ông Chinh thuê đất đã thu lợi nhưng còn yêu cầu bồi thường thiệt hại, Tòa án không đưa ông Chinh tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan; không thu thập đất của bà S có thể chấp hay không; không công bố lời khai của ông L; chưa xác định thời gian bị thiệt hại; không công khai chứng cứ hợp đồng thuê đất.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của các bị đơn được làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án Hôn nhân – Gia đình xác định thửa đất số 833, 30 là tài sản chung của ông L và bà P. Ông L được chia hai thửa đất này và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông L chuyển nhượng cho bà S, bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà S là người sử dụng đất hợp pháp. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của bà S là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P và ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Tại Bản án Hôn nhân- Gia đình phúc thẩm số 08/2017/HNGĐ-PT ngày 17-3-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn. Ông Đào Văn L được chia quyền sử dụng đất thửa số 833, diện tích 29.969m², loại đất RSX và thửa đất số 30, diện tích 7.521m², loại đất LUC, tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

[4] Căn cứ bản án, ngày 09-7-2018, ông Đào Văn L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 28-02-2020 ông Đào Văn L chuyển nhượng toàn bộ hai thửa đất số 833 và thửa số 30 cho bà Phạm Thị S. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng đúng theo quy định của pháp luật. Ngày 11-3-2020 bà S được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Việc bà P chiếm giữ, sử dụng diện tích đất 11.319m² thuộc một phần thửa 833, và diện tích đất 256m² thuộc một phần thửa 30. Ông Đ và bà Th chiếm giữ, sử dụng diện tích đất 2.062m² và diện tích đất 164m² thuộc một phần thửa 833; diện tích đất 7.265m² thuộc một phần thửa 30 là không có căn cứ pháp luật. Vì hai thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà S.

[6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi tài sản là quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị S. Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả lại cho bà Phạm Thị S diện tích 11.319m² thuộc một phần thửa 833, và diện tích 256m² thuộc một phần thửa 30; buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th phải trả lại cho bà Phạm Thị S diện tích 2.062m² và diện tích 164m² thuộc một phần thửa 833; diện tích 7.265m² thuộc một phần thửa 30 là có căn cứ, phù hợp các điều 166, 170 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 166, 167, 170 của Luật Đất đai năm 2013.

[7] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bà Phạm Thị S: Bà P, ông Đ và bà Th đã xâm phạm đến tài sản thuộc quyền quản lý sử dụng hợp pháp của bà S. Do đó, căn cứ các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà P, ông Đ và bà Th phải bồi thường thiệt hại cho bà S.

[8] Bà S yêu cầu bà P, ông Đ và bà Th liên đới bồi thường thiệt hại cho bà S, người nào sử dụng bao nhiêu thì bồi thường thiệt hại tương ứng với diện tích đất mình đang chiếm sử dụng.

[9] Bà S xác định giá thuê đất theo biên nhận bà S cung cấp cho Tòa án là 14.000.000đ/01ha/năm, thời gian yêu cầu bồi thường tính từ lúc bà P, ông Đ và bà Th đã chiếm sử dụng đất từ tháng 3 năm 2020 đến ngày xét xử là 2,5 năm. Xét thấy tiền cho thuê đất 14.000.000đ/01năm/01ha mà bà S yêu cầu là phù hợp với giá cho thuê đất ở địa phương và thấp hơn tài liệu Tòa án thu thập từ Chi cục thống kê Mộc Hóa-Kiến Tường tổng hợp phiếu khảo sát về lợi nhuận sản xuất 01 ha lúa qua các năm, cụ thể năm 2020: vụ Hè thu: 12.582.000 đồng, vụ Đông xuân: 22.986.000 đồng; năm 2021: vụ Hè thu: 14.929.000 đồng, vụ Đông Xuân: 29.336.000 đồng và năm 2022: vụ Đông xuân: 17.012.00 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Phạm Thị S.

[10] Thiệt hại thực tế là tiền cho thuê đất hàng năm được tính như sau: Theo biên nhận bà S cung cấp tiền cho thuê đất đối với 1,5ha tương đương 21.000.000đ/năm (12 tháng). Như vậy, giá 01m² đất cho thuê 12 tháng là 1.400 đồng. Bà P, ông Đ và bà Th đã sử dụng diện tích của bà S từ tháng 3/2020 đến tháng 9/2022 là 30 tháng, cụ thể số tiền thuê như sau: Ông Đ và bà Th là 33.218.500 đồng (9.491m² x 1.400đồng/m² x 30 tháng/12 tháng); bà P là 40.512.500 đồng (11.575m² x 1.400đ/m² x 30 tháng/12 tháng).

[11] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Phạm Thị S. Buộc bà Nguyễn Thị P phải bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị S số tiền là 40.512.500 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị S số tiền là 33.218.500 đồng là có căn cứ.

[12] Về yêu cầu phản tố của bà P: Bà P nộp đơn đề ngày 20-9-2022 là sau ngày Tòa án tiến hành phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tiêu đề là “Đơn phản tố” nhưng nội dung đơn là thể hiện ý kiến phản bác của bà P đối với yêu cầu khởi kiện của bà S. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đây là yêu cầu phản tố của bà P là đúng.

[13] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th không có quyền yêu cầu bà S giao trả lại cho ông Đ và bà Th thửa đất số 30, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà S đối với thửa đất số 30. Căn cứ Điều 186, điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th.

[14] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th không có quyền khởi kiện là không chính xác, đây là sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ mới đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên cần điều chỉnh lại điều luật áp dụng cho đúng.

[15] Xét lời trình bày của ông T1 (là người đại diện hợp pháp của bà P và ông Đ) thấy rằng, phiên tòa sơ thẩm ngày 14-9-2022, ông T1 có mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm ra quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, chứng cứ và trong quyết định nêu rõ thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 14 giờ ngày 21-9-2022 nên được xem là Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự có mặt tại phiên tòa. Do đó, phiên tòa ngày 21-9-2022 xét xử vắng mặt ông T1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[16] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp; bà S cung cấp hợp đồng cho ông Chinh thuê đất (phần đất còn lại không có tranh chấp) là để chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại do đất bị lấn chiếm không sản xuất được, chứ không phải cho thuê phần đất đang tranh chấp, vì phần đất đang tranh chấp do bà P, ông Đ và bà Th đang sử dụng nên không thể cho ông Chinh thuê để thu lợi. Ông Chinh không liên quan đến quyền và nghĩa vụ khi giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông L, ông Chinh và không đưa ông Chinh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng.

[17] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S có xuất trình bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 833 và 30, đã thể hiện đất của bà S không có thể chấp cho ai; ông T1 còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không công bố lời khai của ông L; chưa xác định được thời gian bị thiệt hại; không công khai chứng cứ hợp đồng thuê đất, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14-02-2023 ông T1 xin hoãn phiên tòa để xin sao chụp tài liệu, chứng cứ và bên nguyên đơn cũng đồng ý nên Tòa án đã hoãn phiên tòa phúc thẩm để ông T1 được cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu là đã đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của bà P và ông Đ do ông T1 đại diện.

[18] Ngày 11-3-2020, bà S được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà S bị thiệt hại do không canh tác được từ tháng 3 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, lời trình bày của ông T1 (là người đại diện hợp pháp của bà P và ông Đ) và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[19] Từ những nhận định trên, xét thấy các bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[20] Phát biểu của kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ là có cơ sở.

[21] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi, có đơn đề nghị được miễn án phí dân sự phúc thẩm nên được miễn.

[22] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa;

Căn cứ khoản 2, 6, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1, Điều 39, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 259 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 166, 170, 584, 589 của Bộ luật Dân sự; các điều 166, 167 170 của Luật Đất đai:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi tài sản là quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản của bà Phạm Thị S đối với bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả lại cho bà Phạm Thị S diện tích 11.319m² thuộc một phần thửa 833 và diện tích 256m² thuộc một phần thửa 30.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th phải trả lại cho bà Phạm Thị S diện tích 2.062m² và diện tích 164m² thuộc một phần thửa 833; diện tích 7.265m² thuộc một phần thửa 30.

Tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, do bà Phạm Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Mảnh trích đo địa chính số 18-2022 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Hóa duyệt ngày 17-3-2022.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị S số tiền là 40.512.500 (bốn mươi triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm) đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị S số tiền là 33.218.500 (ba mươi ba triệu hai trăm mười tám ngàn năm trăm) đồng.

Căn cứ quy định tại Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông Đ và bà Th phải liên đới chịu số tiền chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 18.742.000 (mười tám triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn) đồng; bà P phải chịu số tiền chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 22.858.000 (hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi tám ngàn) đồng. Do bà S đã nộp tạm ứng nên ông Đ và bà Th phải liên đới trả cho bà S số tiền 18.742.000

(mười tám triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn) đồng; bà P phải trả lại cho bà S số tiền 22.858.000 (hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi tám ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 138 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy bỏ quyết định số 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 28-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa.

Căn cứ khoản 2 Điều 138 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hoàn trả lại cho bà Phạm Thị S số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tại tài khoản phong tỏa số 6620601018467, mã khách hàng 6620338464318 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – chi nhánh huyện Mộc Hóa.

Căn cứ Điều 186, điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu bà Phạm Thị S phải trả lại thửa đất số 30, diện tích 7.521m², thuộc tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, Long An cho ông Đ, bà Th và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Phạm Thị S.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về án phí:

Bà Phạm Thị S không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà S số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003217 ngày 30 tháng 9 năm 2020; số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000147 ngày 25 tháng 12 năm 2020; số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010364 ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th phải liên đới chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và số tiền 1.661.000 (một triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Đ và bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0010374 ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa sang thi hành án phí, ông Đ và bà Th còn phải liên đới chịu số tiền 1.661.000 (một triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị P phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và số tiền 2.026.000 (hai triệu không trăm hai mươi sáu ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0010515 ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộc Hóa để thi hành án phí.

Ông Nguyễn Văn Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

